

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt, ban hành thiết kế mẫu mặt đường bê tông
đường dân sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của HĐND tỉnh Quảng Nam về phát triển kinh tế - xã hội miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025

Căn cứ Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1347/TTr-SGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt, ban hành thiết kế mẫu mặt đường bê tông đường dân sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam để thực hiện cơ chế hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư theo Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của HĐND tỉnh; với các nội dung như sau:

1. Công trình: Đường bê tông dân sinh trên địa bàn tỉnh;
2. Đơn vị chủ trì lập thiết kế mẫu: Sở Giao thông vận tải;
3. Giải pháp thiết kế: Mặt đường bê tông xi măng.
4. Kết cấu và quy mô, số hiệu mẫu thiết kế

- Kết cấu mặt đường từ dưới lên như sau:

- + Nền đất đầm chặt hoặc nền cát đầm chặt đã tưới đầm nước;
- + Lớp cát đệm dày 2cm đối với nền đất (nền cát thì không cần lớp đệm);
- + Lớp lót chống thấm bằng bao xi măng hoặc ni lon;
- + Bê tông mặt đường M.250 đá (sỏi) 1x2 hoặc 2x4 dày 10cm, sử dụng loại xi măng PCB30 hoặc PCB40.

- Quy mô và số hiệu mẫu thiết kế:

Ti	Mẫu thiết kế	Bề rộng nền (m)	Bề rộng mặt (m)	Kết cấu	Tải trọng
1	MD1.0	2,0	1,0	Bê tông xi măng M.250 dày 10cm	Xe mô tô, xe thô sơ và người đi bộ

(Có thiết kế mẫu kèm theo)

* Thiết kế mẫu nêu trên áp dụng cho đường vào nhà ở của hộ gia đình, phục vụ cho xe mô tô, xe thô sơ và người đi bộ đi lại. Khối lượng trong thiết kế

mẫu tính cho 100m dài mặt đường bê tông xi măng, bề rộng mặt đường 1,0m (trên nền đường đã hoàn thiện), chi phí xây dựng tùy thuộc vào giá vật liệu từng địa phương.

Trường hợp địa phương có nhu cầu xây dựng bề rộng mặt đường lớn hơn 1,0m thì khối lượng vật tư, vật liệu được nhân với tỷ lệ tương ứng và ngoài mức hỗ trợ theo cơ chế của Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của HĐND tỉnh, địa phương và hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm bố trí thêm để thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- UBND các huyện miền núi trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, phổ biến và áp dụng trong quá trình triển khai thực hiện đề án phát triển kinh tế xã hội miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025 theo Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của UBND tỉnh.

- Sở Giao thông vận tải phối hợp với các ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My, Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định triển khai thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / 2

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh, TT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, TH, KTN.

(E:\Dropha\HUNG\Giao thông\quyet dinh\QD 2017.8.04.PD ban hành thiết kế mẫu đường BIXM dân sinh theo NQ 12 HĐND tỉnh.docx)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Thu

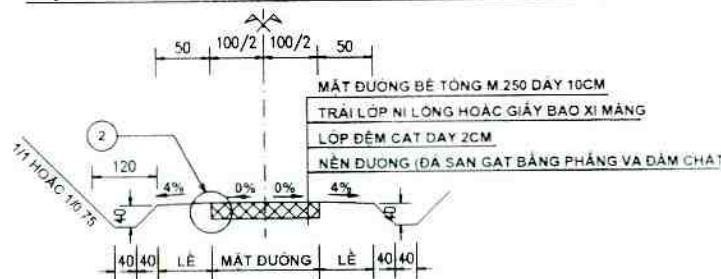
THIẾT KẾ MẪU MD1.0: MẶT ĐƯỜNG BTXM DÂN SINH RỘNG 1.0M

(Kèm theo Quyết định số 813/QĐ-UBND, ngày 9 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Nam)

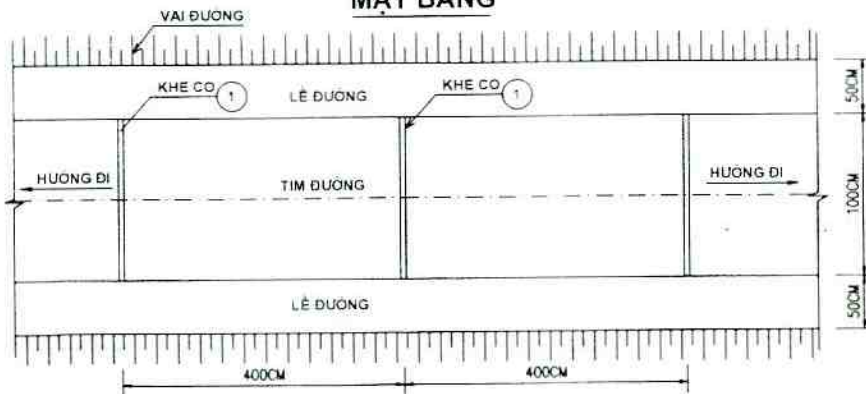
MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH CHO NỀN ĐẮP



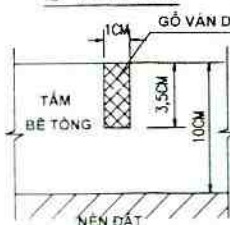
MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH CHO NỀN ĐÀO



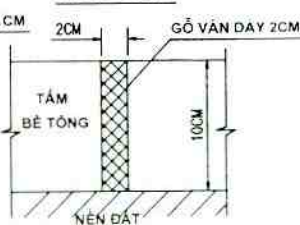
MẶT BẰNG



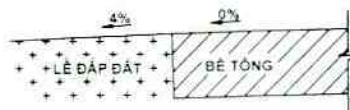
① KHE CO



KHE DẪN



② TIẾP GIÁP GIỮA LỀ ĐẤT VÀ MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG



PHẠM VI ÁP DỤNG

LOẠI MẶT ĐƯỜNG NÀY ÁP DỤNG CHO CÁC ĐƯỜNG VÀO NHÀ CÁC HỘ DẪN, ĐƯỜNG CHO XE MÔTÔ, XE THỎ SƠ VÀ NHƯỠI ĐI BỜ

TRÌNH TỰ THI CÔNG

- LÀM KHUÔN ĐƯỜNG (SAN GẠT NỀN ĐƯỜNG BẰNG PHẪNG VÀ ĐÁM CHẤT)
- TRÁI LỚP NI LÔNG HOẶC GIẤY BAO XI MĂNG ĐỂ CHỐNG MẤT NƯỚC BÊ TÔNG
- LẤP ĐÁT VÁN KHUÔN
- ĐỔ BÊ TÔNG MẶT ĐƯỜNG
- BAO ĐƯỜNG MẶT ĐƯỜNG BỀ TÔNG (RÀ CẮT, HOẶC ROM RA TRÊN ĐỂ MẮT, TƯỚI NƯỚC ĐỂ GIỮ ẨM)
- ĐÀO Rãnh ĐOC (NẾU CÓ) VÀ ĐẬP ĐẤT LỀ ĐƯỜNG.

GHI CHÚ

- NẾU XÂY DỰNG MẶT ĐƯỜNG TRÊN NỀN CÁT THÌ KHÔNG LAM LỚP ĐEM CÁT DÀY 2CM VÀ MÀI TALUY NỀN ĐƯỜNG ĐÀO VÀ ĐƯỜNG ĐẮP LÀ 1/3
- DÙNG ĐÁ HOẶC SỎI LOẠI 1X2CM HOẶC 2X4CM ĐỂ XÂY DỰNG MẶT ĐƯỜNG.
- XI MĂNG CÓ THỂ DÙNG LOẠI XI MĂNG PCB30 HOẶC PCB40 (TUY THEO TUNG TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ, CHỌN SAO CHO GIÁ THÀNH XÂY DỰNG LÀ THẤP NHẤT VÀ PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN THI CÔNG).
- NẾU DÙNG LOẠI XI MĂNG PCB40 THÌ PHẢI TRỘN BÊ TÔNG BẰNG MÁY TRỘN.
- CÁCH KHOẢNG 40 ĐẾN 50M BỎ TRÍ MỘT KHE DẪN CÓ CẤU TẠO NHƯ HÌNH VẼ
- KHE CO BỎ TRÍ KHOẢNG CÁCH 3.4M, RỘNG 0.5-1CM, CHIỀU SÂU 1/3 CHIỀU DÀY TẦM (TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ GỖ THÌ ĐÓ LIÊN KHỎI, ĐỂ BÊ TÔNG CUNG DÙNG MÁY CẮT SÂU 1/3 BỀ DÀY TẦM, RỘNG 0.3-0.5CM VÀ DÙNG NHỰA ĐƯỜNG ĐAT ĐỔ LẤP KIN KHE CÁT)
- NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý, CÔNG TÁC BẢO ĐƯỜNG LÀ RẤT QUAN TRỌNG VI NO CÓ ANH HUƠNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG CỦA MẶT ĐƯỜNG
- KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ CM
- KHỐI LƯỢNG TÍNH CHO 100M DÀI MẶT ĐƯỜNG BỀ TÔNG RỘNG 1,0M (NẾU ĐƯỜNG XEM NHƯ ĐÁ CỎ SẴN), GIÁ THÀNH TỤY THUỘC VÀO GIÁ VẬT LIỆU MỖI ĐỊA PHƯƠNG. TRƯỜNG HỢP CÁC ĐỊA PHƯƠNG CƠ NHU CẦU LÀM MẶT ĐƯỜNG RỘNG 1,5M THÌ KHỐI LƯỢNG NHÂN 1,5 LẦN, MẶT ĐƯỜNG RỘNG 2,0M THÌ KHỐI LƯỢNG NHÂN 2 LẦN.

ĐỊNH MỨC TÍNH CHO 1M3 BÊ TÔNG

ÁP DỤNG CHO 1M3 BÊ TÔNG M.250 ĐÁ HOẶC SỎI 1X2, XI MĂNG PCB30

TT	HANG MUC	ĐƠN VI	KHỐI LƯỢNG
1	XI MĂNG PCB30	KG	415.13
2	CÁT	M3	0.46
3	ĐÁ (SỎI) 1X2	M3	0.89
4	NUỐC	LIT	189.63
5	GỖ LAM KHE CO, DẪN	M3	0.014

ÁP DỤNG CHO 1M3 BÊ TÔNG M.250 ĐÁ HOẶC SỎI 2X4, XI MĂNG PCB30

TT	HANG MUC	ĐƠN VI	KHỐI LƯỢNG
1	XI MĂNG PCB30	KG	393.60
2	CÁT	M3	0.46
3	ĐÁ (SỎI) 2X4	M3	0.89
4	NUỐC	LIT	179.38
5	GỖ LAM KHE CO, DẪN	M3	0.014

ÁP DỤNG CHO 1M3 BÊ TÔNG M.250 ĐÁ HOẶC SỎI 1X2, XI MĂNG PCB40

TT	HANG MUC	ĐƠN VI	KHỐI LƯỢNG
1	XI MĂNG PCB40	KG	335.18
2	CÁT	M3	0.49
3	ĐÁ (SỎI) 1X2	M3	0.90
4	NUỐC	LIT	189.63
5	GỖ LAM KHE CO, DẪN	M3	0.014

ÁP DỤNG CHO 1M3 BÊ TÔNG M.250 ĐÁ HOẶC SỎI 2X4, XI MĂNG PCB40

TT	HANG MUC	ĐƠN VI	KHỐI LƯỢNG
1	XI MĂNG PCB40	KG	316.73
2	CÁT	M3	0.49
3	ĐÁ (SỎI) 2X4	M3	0.90
4	NUỐC	LIT	179.38
5	GỖ LAM KHE CO, DẪN	M3	0.014

KHỐI LƯỢNG TÍNH CHO 100M DÀI ĐƯỜNG (TỔNG CỘNG 10M3 BÊ TÔNG)

ÁP DỤNG CHO 1M3 BÊ TÔNG M.250 ĐÁ HOẶC SỎI 1X2, XI MĂNG PCB30

TT	HANG MUC	ĐƠN VI	KHỐI LƯỢNG
1	XI MĂNG PCB30	TẤN	4.15
2	CÁT BT+ ĐEM 2CM	M3	6.99
3	ĐÁ (SỎI) 1X2	M3	8.87
4	NUỐC	M3	1.90
5	GỖ LAM KHE CO, DẪN	M3	0.14

ÁP DỤNG CHO 1M3 BÊ TÔNG M.250 ĐÁ HOẶC SỎI 2X4, XI MĂNG PCB30

TT	HANG MUC	ĐƠN VI	KHỐI LƯỢNG
1	XI MĂNG PCB30	KG	3.94
2	CÁT BT+ ĐEM 2CM	M3	7.07
3	ĐÁ (SỎI) 2X4	M3	8.86
4	NUỐC	LIT	1.79
5	GỖ LAM KHE CO, DẪN	M3	0.14

ÁP DỤNG CHO 1M3 BÊ TÔNG M.250 ĐÁ HOẶC SỎI 1X2, XI MĂNG PCB40

TT	HANG MUC	ĐƠN VI	KHỐI LƯỢNG
1	XI MĂNG PCB40	KG	3.35
2	CÁT BT+ ĐEM 2CM	M3	7.31
3	ĐÁ (SỎI) 1X2	M3	9.03
4	NUỐC	LIT	1.90
5	GỖ LAM KHE CO, DẪN	M3	0.14

ÁP DỤNG CHO 1M3 BÊ TÔNG M.250 ĐÁ HOẶC SỎI 2X4, XI MĂNG PCB40

TT	HANG MUC	ĐƠN VI	KHỐI LƯỢNG
1	XI MĂNG PCB40	KG	3.17
2	CÁT BT+ ĐEM 2CM	M3	7.35
3	ĐÁ (SỎI) 2X4	M3	9.04
4	NUỐC	LIT	1.79
5	GỖ LAM KHE CO, DẪN	M3	0.14